

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HCST
Ngày: 15-02-2022
V/v: “*khieu kiện Quyết định cho
thuê đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Ngọc Minh.
2. Ông Đoàn Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Lương Quang Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2020/TLST-HC ngày 01 tháng 9 năm 2020 về “*khieu kiện quyết định cho thuê đất*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2021/QĐXXST-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1958.
2. Bà Đỗ Hồng P, sinh năm 1962.

Địa chỉ: tổ 6, ấp Rạch Hàm, xã C, thành phố D, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Phạm Văn C - Văn phòng luật sư Phạm Văn C.

Địa chỉ: số 44, đường Hùng Vương, thành phố D, tỉnh Kiên Giang.

Người bị kiện: Ban quản lý khu kinh tế D.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T, chức vụ: Trưởng Ban quản lý khu kinh tế D.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn C, chức vụ: Phó Trưởng Ban quản lý khu kinh tế D.

Cùng địa chỉ: số 17, đường Nguyễn Chí Thanh, khu phố 5, phường C, thành phố D, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thành phố D, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Quang H, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Thành T, chức vụ: Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố D.

Địa chỉ: số 04, đường 30/4, khu phố 2, phường C, thành phố D, tỉnh Kiên Giang.

2. Tổng Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng – WTO.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Nhật T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng – WTO.

Địa chỉ: số 201, đường Minh Khai, phường M, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn K, sinh năm 1968.

Địa chỉ: số 372/10/D2, đường Tùng Thiện Vương, phường N, Quận K, thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Trần Thị H, bà Đỗ Hồng P, luật sư Phạm Văn C, ông Phan Văn C, ông Nguyễn Tấn K có mặt, ông Trương Thành T vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện bà Trần Thị H và bà Đỗ H P trình bày:

Năm 2006 - 2007 bà Trần Thị H và bà Đỗ Hồng P nhận chuyển nhượng và khai phá khoảng 374.750,6m² tại ấp Suối Lớn, xã C, huyện D (nay thành phố D), tỉnh Kiên Giang. Cụ thể nhận chuyển nhượng của ông Phùng Văn S diện tích

55.623,2m² vào ngày 12/01/2007; nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn T diện tích 80.744,3m² vào ngày 25/02/2006; nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Tấn C diện tích 80.584,2m² vào ngày 12/8/2007; nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T diện tích 52.585,2m² vào ngày 12/01/2007, diện tích còn lại 02 bà tự khai phá. Toàn bộ diện tích này 2 bà sử dụng chung không phân chia cụ thể.

Sau khi nhận chuyển nhượng và khai phá bà H, bà P đã sử dụng liên tục, công khai, đầu tư hàng chục tỷ đồng để mức mương ranh, làm hàng rào, trồng tràm, đào ao nuôi thủy sản, cất nhà ở và xây dựng các công trình khác trên đất.

Do Nhà nước qui hoạch khu vực đất này thuộc khu du lịch và dân cư Bãi Trường nên bà H, bà P không làm được thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng diện tích đất nêu trên cũng bị lấn chiếm một phần nên hiện tại chỉ còn 328.719,17m², Từ năm 2018 Công ty gia đình bà H đã nhiều lần đề nghị các cơ quan có thẩm quyền cho biết thông tin về diện tích đất của bà H, bà P đã cấp chủ chương đầu tư cho Doanh nghiệp nào, nếu chưa cấp thì Công ty TNHH X xin chủ trương đầu tư.

Ngày 28/8/2020 Ban quản lý khu kinh tế D có văn bản trả lời cho Công ty TNHH X xác định diện tích đất của bà H, bà P đang sử dụng hiện đã có chủ trương đầu tư cho 3 Công ty là D, Tổng Công ty Cổ phần E, Công ty TNHH F.

Khoảng đầu năm 2020 UBND xã C ra Thông báo buộc bà H, bà P tháo dỡ 06 căn nhà trên đất, bà H, bà P đã khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân thành phố D. Trong quá trình giải quyết vụ kiện bà H, bà P mới tiếp cận được các quyết định cho thuê đất của Ban quản lý khu kinh tế D. Cụ thể là Quyết định số 33/QĐ-BQLKKTTPQ ngày 26/02/2019 và Quyết định số 34/QĐ-BQLKKTTPQ ngày 26/02/2019 về việc cho thuê đất đối với Tổng Công ty Cổ phần E diện tích 252.236,5m². Trong đó có diện tích đất của bà H, bà P đang quản lý sử dụng.

Bà H, bà P yêu cầu Tòa án xem xét hủy Quyết định số 33/QĐ-BQLKKTTPQ và Quyết định số 34/QĐ-BQLKKTTPQ ngày 26/02/2019 của Ban quản lý khu kinh tế D về việc cho thuê đất đối với Tổng Công ty Cổ phần E.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện Ban quản lý khu kinh tế D có ý kiến đối với đơn khởi kiện của bà H, bà P như sau:

Việc Ban quản lý khu kinh tế D cho Tổng Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng thuê diện tích đất 252.236,5m² tại Quyết định số 33/QĐ-BQLKKTTPQ

và Quyết định số 34/QĐ-BQLKKTPQ ngày 26/02/2019 là đúng chức năng nhiệm vụ của Ban.

Căn cứ Báo cáo số 394/BC-UBND ngày 19/9/2018 của UBND huyện D về công tác chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án khu du lịch dân cư Nam Bãi Trường chủ đầu tư là Tổng Công ty Cổ phần E.

Theo Báo cáo tiến độ chi trả bồi thường, giải phóng mặt bằng diện tích là 347.408,1m² của Dự án đạt 78,13% bằng 347.408,1m² và thống nhất giao toàn bộ diện tích đất cho nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án.

Ngày 01/3/2019 UBND huyện D tổ chức bàn giao đất tại thực địa cho Ban quản lý khu kinh tế D. Đồng thời bàn giao đất cho Tổng Công ty Cổ phần E để triển khai thực hiện Dự án theo Biên bản số 50, 51/BB-BQLPTPQ ngày 10/6/2020.

Việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân do UBND huyện D thực hiện, nếu UBND huyện D (nay là thành phố D) xác định có sai sót, chưa thực hiện việc thu hồi đất đối với bà H, bà P thì việc Ban quản lý khu kinh tế D cho thuê đất đối với Tổng Công ty Cổ phần E là chưa phù hợp với qui định của pháp luật, Ban quản lý khu kinh tế D sẽ hủy Quyết định số 33/QĐ-BQLKKTPQ và Quyết định số 34/QĐ-BQLKKTPQ ngày 26/02/2019. Nếu không có ý kiến của UBND thành phố D thì Ban quản lý khu kinh tế D không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, bà P.

Tại văn bản ngày 25/12/2020 Tổng Công ty Cổ phần E có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, bà P như sau:

Việc Ban quản lý khu kinh tế D cho Tổng Công ty Cổ phần E thuê đất đúng theo qui định về chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Ban theo qui định của pháp luật.

Diện tích đất Công ty nhận thuê đã được giải phóng mặt bằng căn cứ theo Báo cáo số 394/BC-UBND. Tại thời điểm tháng 02/2019 thì toàn bộ diện tích đất Công ty thuê theo 2 Quyết định số 33/QĐ-BQLKKTPQ và Quyết định số 34/QĐ-BQLKKTPQ ngày 26/02/2019 đã được giải phóng mặt bằng. Đề nghị TAND tỉnh Kiên Giang không thụ lý đơn khởi kiện của bà H, bà P.

UBND thành phố D đã nhận được thông báo của Tòa án về việc đưa người tham gia tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, không tham

gia phiên đối thoại và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà H, bà P giữa nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án hủy 02 Quyết định số 33/QĐ-BQLKKTTPQ và Quyết định số 34/QĐ-BQLKKTTPQ, vì trong 02 quyết định này có 1 phần diện tích đất của 02 bà đã quản lý, sử dụng từ năm 2006 - 2007 đến khi Ban quản lý khu kinh tế D ra quyết định cho Tổng Công ty Cổ phần E thuê đất. Đến thời điểm hiện nay diện tích đất bà H, bà P đang sử dụng không bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, không có quyết định thu hồi đất, trên đất có nhiều thành quả lao động và tài sản, nên việc cho thuê đất của Ban quản lý khu kinh tế D là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H, bà P.

Ông Cường đại diện Ban quản lý khu kinh tế D không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà H, bà P. Việc sử dụng đất của người khởi kiện không có giấy tờ hoặc văn bản nào chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp. Diện tích đất giao cho Tổng Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng đã được UBND huyện D xác định là đất sạch theo Báo cáo số 394/BC-UBND ngày 19/9/2018 và Biên bản bàn giao đất trên thực địa số 50, 51/BB-BQLPTPQ ngày 01/3/2019 đến ngày 10/6/2020.

Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà H, bà P.

Ông K đại diện cho Tổng Công ty Cổ phần E thống nhất theo ý kiến của ông C đề nghị. Công ty đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng qui định của pháp luật và được cho thuê đất từ năm 2019, tuy nhiên đến thời điểm hiện nay vẫn chưa sử dụng được do đất bị chiếm chưa giải phóng mặt bằng mặc dù công ty đã gửi nhiều văn bản cho các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu xử lý nhưng đến nay trên thực tế vẫn chưa nhận đủ diện tích đất được cho thuê.

Vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, bà P. Căn cứ theo các biên bản lấy lời khai của những người biết sự việc thì diện tích đất của bà H, bà P có nguồn gốc sử dụng từ trước ngày 01/7/2004, nếu phù hợp với qui hoạch thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trường hợp Nhà nước cho người khác thuê đất thì phải thực hiện thủ tục thu hồi, bồi thường theo qui định của pháp luật đất đai, vì vậy quyết định cho thuê đất của Ban quản lý khu kinh tế D là trái pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:

Việc tuân thủ pháp luật tổ tụng hành chính của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định pháp luật. Tòa án thụ lý vụ kiện đúng thẩm quyền. Thẩm phán tiến hành thu thập chứng cứ đủ điều kiện để đưa vụ án ra xét xử.

Người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo qui định của pháp luật.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H và bà Đỗ Hồng P, hủy Quyết định số 33/QĐ-BQLKKTTPQ và Quyết định số 34/QĐ-BQLKKTTPQ ngày 26/02/2019 của Ban quản lý khu kinh tế D về việc cho thuê đất đối với Tổng Công ty Cổ phần E.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tổ tụng:

Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thành phố D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo qui định tại Điều 158 Luật tổ tụng hành chính.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện lúc đầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xác định các ông Phùng Văn S, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Tân C, ông Phạm Văn T là những người chuyển nhượng đất cho bà H và bà P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng xét thấy họ chỉ là người làm chứng và Tòa án đã thu thập đầy đủ lời khai của họ nên không cần thiết xác định họ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét tính hợp pháp của 02 Quyết định số 33/QĐ-BQLKKTTPQ và Quyết định số 34/QĐ-BQLKKTTPQ ngày 26/02/2019 của Ban quản lý khu kinh tế D về việc cho thuê đất đối với Tổng Công ty Cổ phần E.

Căn cứ theo chức năng nhiệm vụ được giao của Ban quản lý khu kinh tế D có thẩm quyền cho thuê diện tích đất đã được UBND tỉnh Kiên Giang giao quản lý theo Quyết định số 2507/QĐ-UBND ngày 10/02/2007 của UBND tỉnh Kiên Giang.

Diện tích đất của Ban quản lý khu kinh tế D cho Tổng Công ty Cổ phần E thuê theo 02 Quyết định số 33/QĐ-BQLKKTTPQ và Quyết định số 34/QĐ-BQLKKTTPQ là 252.236,5m². Trong đó 99.810,6 m² đất bà H, bà P đang quản lý

sử dụng. Diện tích đất của bà H, bà P nằm trong Dự án của công ty là 141.574,1m².

Dự án của Tổng Công ty Cổ phần E đã được UBND tỉnh chấp thuận đầu tư từ năm 2007, cùng thời điểm UBND tỉnh thu hồi đất của Ban quản lý rừng phòng hộ giao cho Ban quản lý khu kinh tế D quản lý để thực hiện chức năng cho thuê.

Trên thực tế Ban quản lý khu kinh tế D chỉ quản lý trên mặt giấy tờ, còn đất đã giải phóng mặt bằng hay chưa thì do UBND thành phố D thực hiện công tác thu hồi, giải phóng mặt bằng, bàn giao đất sạch thì Ban quản lý khu kinh tế D mới ra quyết định cho thuê.

Theo trình bày của đại diện Ban quản lý khu kinh tế D thì ngày 19/9/2018 UBND huyện D có Báo cáo số 394/BB-UBND về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án có chủ đầu tư là Tổng Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng, kèm theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất và căn cứ Báo cáo này Ban quản lý khu kinh tế D đã ra quyết định cho Tổng Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng thuê diện tích đất đã được giải phóng mặt bằng.

Tại sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo Báo cáo thì vị trí đất của bà H, bà P đang quản lý sử dụng được ghi chú là đất UBND xã quản lý diện tích 111.121,3m² Báo cáo không kèm biên bản kiểm tra đất trên thực địa.

Theo qui định tại khoản 3 Điều 151 Luật đất đai năm 2013 “Ban quản lý khu kinh tế D có chức năng thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi để bàn giao cho mình trước khi giao lại đất cho thuê đất”.

Tại khoản 2 Điều 17 Quy chế phối hợp thực hiện công tác quản lý Nhà nước giữa Ban quản lý khu kinh tế D với các, sở, ban, ngành tỉnh và UBND huyện D ban hành kèm theo Quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 03/7/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang qui định: Ban quản lý a) Tổ chức tiếp nhận, thẩm định và Quyết định giao lại đất có thu tiền sử dụng đất, giao lại đất không thu tiền sử dụng đất; cho thuê đất, mặt nước đối cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng đất trong các khu chức năng trong khu Kinh tế theo qui định của pháp luật.

Đối chiếu với trường hợp này tại thời điểm ký quyết định cho thuê đất Ban quản lý khu kinh tế D chưa tổ chức tiếp nhận, thẩm định diện tích đất thực tế theo Báo cáo của UBND huyện D.

Tại Báo cáo giao đất trên thực địa số 50, 51/BB-BQLPTPQ ngày 13/6/2020 có tiêu đề giao đất trên thực địa cho Tổng Công ty Cổ phần E và người giao là Ban quản lý khu kinh tế D, người nhận là Tổng Công ty Cổ phần E có sự tham gia của đại diện văn phòng HĐND và UBND huyện D (không phải đại diện UBND huyện D).

Việc thẩm định được thực hiện trong biên bản giao đất đã thể hiện rõ hiện trạng trên khu đất của Dự án có 06 căn nhà vật liệu bằng tol.

Mặc dù biên bản giao đất ghi ngày 10/6/2020 nhưng trong nội dung ghi ngày giao là ngày giao đất là ngày 01/3/2019. Theo lý giải của Ban quản lý khu kinh tế D thì biên bản giao đất thực hiện ngày 01/3/2019 khi ra hiện trường phát hiện có 06 căn nhà nên không giao được, phải dừng lại chờ UBND thành phố D xử lý. Ban quản lý khu kinh tế D đã có văn bản gửi UBND thành phố D nêu rõ việc xử lý 06 căn nhà này. Đến ngày 10/6/2020 mới ký Biên bản là vì chờ xử lý xong 06 căn nhà.

Tuy nhiên đến thời điểm hiện nay Ban quản lý khu kinh tế D không cung cấp được văn bản xác định đã tháo dỡ xong 06 căn nhà của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm căn cứ cho thuê đất.

Về thời điểm sử dụng đất của bà H, bà P: Căn cứ theo lời khai của 2 bà thì từ năm 2006, 2007 đã bắt đầu chuyển nhượng khu đất này. Lời khai của những người chuyển nhượng cũng xác định như bà H, bà P. Căn cứ theo lời khai của ông Trần Văn V Trưởng ban lãnh đạo ấp Suối Lớn thì từ năm 2005 những hộ dân như ông T, ông T, ông S, ông C mới vào khai khẩn đất nhưng không trồng trọt, đến khoảng năm 2010 ông mới thấy có người vào sử dụng đất đào mương, lên líp, trồng cây và san ủi mặt bằng để sử dụng, đến năm 2013 - 2014 có người cất nhà trên đất. Điều này phù hợp với các Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang lập về tài sản và công trình trên đất, cũng như Biên bản đo đạc hiện trạng thực địa thửa đất của bà Trần Thị H, bà Đỗ Hồng P của UBND xã Dương Tơ ngày 14/8/2020.

Trong các biên bản này đều thể hiện ngoài công trình xây dựng trên đất, diện tích san lấp mặt bằng thì hiện trạng trên đất có đào ao, trồng tràm úc, tràm bông vàng ...

Căn cứ Điều 53 Luật đất đai năm 2013 việc Nhà nước Quyết định giao đất, cho thuê đất đối với đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ được thực hiện sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo

qui định của luật này và phải thực hiện xong việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo qui định của pháp luật đối với trường hợp phải giải phóng mặt bằng.

Đất của bà H, bà P có thời điểm sử dụng trước ngày 01/7/2014 thuộc trường hợp phải thu hồi và giải phóng mặt bằng. Căn cứ vào các văn bản đề xuất của Ban quản lý khu kinh tế D và Tổng Công ty Cổ phần E về việc diện tích đất cho thuê và nhận thuê có người khác đang sử dụng thì đủ cơ sở xác định diện tích đất cho thuê tại các Quyết định số 33/QĐ-BQLKKTTPQ và Quyết định số 34/QĐ-BQLKKTTPQ Ban quản lý khu kinh tế D chưa được giải phóng mặt bằng.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H, bà Đỗ Hồng P, chấp nhận đề nghị của vị luật sư và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Hủy Quyết định số 33/QĐ-BQLKKTTPQ và Quyết định số 34/QĐ-BQLKKTTPQ ngày 26/02/2019 của Ban quản lý khu kinh tế D về việc cho thuê đất đối với Tổng Công ty Cổ phần E.

[3] Án phí hành chính sơ thẩm: Ban quản lý khu kinh tế D phải nộp án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Bà Trần Thị H và bà Đỗ Hồng P được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà H, bà P tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính:

Căn cứ Điều 53, Điều 151 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H và bà Đỗ Hồng P.

Hủy Quyết định số 33/QĐ-BQLKKTTPQ và Quyết định số 34/QĐ-BQLKKTTPQ ngày 26/02/2019 của Ban quản lý khu kinh tế D về việc cho thuê đất đối với Tổng Công ty Cổ phần E.

Về án phí: Ban quản lý khu kinh tế D phải nộp án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Bà Trần Thị H thuộc trường hợp được miễn án phí.

Hoàn trả cho bà Đỗ Hồng P 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005365 ngày 31/8/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

2. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng UBND thành phố D vắng mặt nên thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cẩm Thu